

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAM RANH
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: **05/2022/DS-ST**

Ngày: 05/5/2022

V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bửu Nhuận

Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Nho Dũng

Bà Võ Thị Diệu Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền - Cán bộ Tòa
án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Xuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 195/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông K, sinh năm: 1963, địa chỉ: Tổ dân phố T, phường B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Bị đơn: Bà L, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Thôn B, xã C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Ông Q, sinh năm: 1994

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố R, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở hiện nay: Đường T, tổ dân phố H, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/10/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/11/2021 và bản tự khai ngày 04/01/2022 nguyên đơn bà T trình bày:

Ngày 30/5/2021 âm lịch, là ngày 09/7/2021 dương lịch, bà L và ông Q có viết giấy vay mượn bà số tiền: 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng) với lý do: Vay vốn để kinh doanh mua bán tôm hùm.

Thời gian đến hạn trả nợ đã qua, bà nhiều lần, nhiều tháng đến đòi nợ nhưng bà L và ông Q cứ hứa hẹn mãi mà không chịu trả nợ cho bà.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án buộc bà L và ông Q phải trả cho bà số tiền vay mượn là 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng), cộng với lãi suất là 1,6%/ một tháng kể từ ngày viết giấy vay tiền cho đến khi Tòa án xét xử xong vụ án.

Tại bản tự khai ngày 28/3/2022 ông K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có bản tự khai bổ sung đề nghị Tòa án tính lãi suất của số tiền vay nêu trên theo quy định của pháp luật kể từ ngày viết giấy vay mượn là ngày 09/7/2021 cho đến khi xét xử xong vụ án.

Tại bản tự khai ngày 30/12/2021 bị đơn bà L trình bày:

Ngày 10/7/2020 dương lịch bà có vay của bà T số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), với lãi suất là 80.000.000 đồng/ một tháng, đã đóng lãi 03 tháng là 240.000.000 đồng.

Ngày 16/8/2020 dương lịch, bà có vay thêm của bà T 03 tỷ đồng, lãi suất là 180.000.000 đồng/ một tháng.

Ngày 04/9/2020 dương lịch, bà không có tiền đóng tiền lãi cho bà T, nên có vay tiếp 400.000.000 đồng của bà T để trả lãi cho bà ấy.

Ngày 24/10/2020 dương lịch, bà vay thêm 1.500.000.000 đồng của bà T với lãi suất 90.000.000 đồng/ một tháng.

Lúc này tổng số tiền bà vay của bà T là 5.900.000.000 đồng (năm tỷ chín trăm triệu đồng).

Đến ngày 20/10/2020 bà làm ăn cực kỳ khó khăn và có xin bà T giảm lãi suất còn 60.000.000 đồng/ một tháng/ một tỷ.

Từ tháng 8/2020 đến ngày 24/5/2021, bà đóng lãi thêm cho bà T là 354.000.000 đồng, không thiếu đồng nào.

Ngày 26/6/2021, bà vay được tiền ngân hàng nên đem trả cho bà T số tiền 2.400.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng) tiền gốc và thêm 150.000.000 đồng tiền lãi. Tổng số lãi bà đã đóng cho bà T là 3.372.000.000 đồng. Còn lại 3.500.000.000 đồng tiền gốc bà đã nói với bà T là bà đổ nợ và không còn khả năng tiếp tục trả lãi cho bà T được nữa, cho nên bà T buộc bà phải viết giấy cam kết xác nhận bà còn nợ bà T số tiền 3,5 tỷ đồng. Bà có đoạn ghi âm bà T thừa nhận việc này, chứ không như bà T thưa với Tòa là con bà tới vay 3,5 tỷ rồi không trả lãi. Như vậy là không đúng.

Bà xin được xem xét hoàn cảnh hiện tại của bà, bà thừa nhận có vay của bà T 5,9 tỷ đồng và đã trả được 2,4 tỷ còn lại là 3,5 tỷ đồng. Nhưng lãi suất quá cao, bà đã dồn hết sức lực vay đầu này đầu kia đắp tiền lời cho bà T. Tất cả những lần vay mượn tiền đều trao tay tiền mặt, không hề có chứng từ, giấy tờ nào cả và cũng vì tin tưởng là chỗ bà con chị em với nhau.

Chính vì bà không biết chữ nên bà T có ghi trong sổ của bà là: “Chị L còn nợ T số tiền 4.900.000 với 1 tỷ” sổ này bà vẫn còn giữ hoàn toàn không đúng với những gì bà T nói là bà và con bà Q vay 3,5 tỷ không trả tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 29/12/2021 bị đơn ông Q trình bày:

Trước đây, vào khoảng năm 2020 – 2021 mẹ ông là bà L và bà T có làm ăn cho mượn tiền như thế nào ông không rõ số tiền và lãi suất bao nhiêu.

Vào ngày 30/5/2021 (âm lịch), bà T và mẹ ông có bảo ông ra nhà bà T ghi hộ mẹ ông (lý do mẹ ông không biết chữ) và xác nhận mẹ ông có mượn bà T 3.500.000.000 đồng (ba tỷ năm trăm triệu đồng). Lúc đầu ông không đồng ý nhưng mẹ ông và bà T bảo ông là tiền cho mượn theo lãi suất ngân hàng, ông cứ viết cho bà T yện T và báo lại cho ba ông biết. Những lời trong tờ giấy đó là bà T đọc cho ông viết.

Sau đó khoảng cuối tháng 10 dương lịch, bà T và con gái có xuống tại nhà ba mẹ ông ở đảo Bình Hưng để nói cho ba ông biết về số nợ của mẹ ông. Trong cuộc nói chuyện hôm đó có ba mẹ ông, vợ chồng ông, em gái ông và mẹ con bà T. Khi nói chuyện qua lại mẹ ông có lấy sổ sách ghi nợ ra (có chữ viết của bà T trong đó), gia đình ông mới biết bà T cho mẹ ông vay lấy lãi suất quá cao và đã trả cho bà T một số tiền gốc nhưng vẫn còn nợ lại 3,5 tỷ và ngày hôm đó bà T vẫn biết mẹ ông làm ăn thất bại không còn khả năng chi trả.

Bà T có nói ba ông và ông viết giấy hẹn nợ nhưng ông và ba ông không viết vì mẹ ông đã bẻ nợ và nợ rất nhiều phải hẹn trả dần và số tiền của bà T 3,5 tỷ là tiền lãi.

Ngày 28/12/2021 (DL) bà T có kiện ông về vấn đề là ngày 30/5/2021 (AL) ông có đồng nhận số tiền 3,5 tỷ cùng mẹ để buôn bán tôm giống. Nhưng thật ra ông không nhận một khoản tiền nào từ bà T dưới mọi hình thức. Ông chỉ là người viết hộ, xác nhận cho mẹ ông vì mẹ ông không biết chữ.

* *Nguyên đơn đã giao nộp:* Giấy vay mượn tiền ký ngày 30/5/2021 âm lịch (bản chính); Giấy chứng minh nhân dân T (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân L và Q (bản photo) và sổ hộ khẩu mang tên Bùi Rớt (bản sao); sổ hộ khẩu mang tên Bùi Ngọc Tiến, Bùi Ngọc Cẩm (bản photo).

* *Bị đơn đã giao nộp:* Giấy có ghi nội dung “10/7 âm đưa đi L 01 tỷ... (bản gốc); giấy có ghi nội dung “24/10 01 tỷ... (bản gốc); 01 USB theo lời khai của bà L có chứa file ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà T và bà L.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bản tự khai.

- Bị đơn bà L thừa nhận quá trình vay mượn tiền giữa bà và bà T trước đây xảy ra rất nhiều lần và bà đã trả lãi rất nhiều lần với số tiền lãi suất quá cao cho bà T, tổng cộng bà đã vay của bà T số tiền 5.900.000.000đ (năm tỷ chín trăm triệu đồng) đã trả được 2.400.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng) hiện tại còn nợ bà T số tiền đúng như bà T đã khởi kiện là 3.500.000.000đ (ba tỷ năm trăm triệu đồng) nhưng số tiền này là do bà mượn của bà T không liên quan gì đến ông Q và hiện tại bà làm ăn thất bại không còn khả năng trả một lần tiền gốc cũng như tiền lãi nên bà xin được trả dần số tiền này.

- Bị đơn ông Q thừa nhận có viết giấy xác nhận nợ ngày 30/5/2021 (âm lịch) nhưng ông chỉ là người viết dùm mẹ ông là bà L chứ ông không liên quan gì đến số

tiền nợ giữa bà L và bà T, nếu không được thì ông đồng ý cùng bà L sẽ trả dần số tiền này cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn đã tuân theo đúng pháp luật;

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải liên đới trả một lần cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 09/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 287.778.000 đồng (Hai trăm tám bảy triệu bảy trăm bảy tám nghìn đồng).

- Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, do bị đơn cư trú tại phường C và xã B, thành phố Cam Ranh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về số tiền nợ gốc: Căn cứ vào “Giấy xác nhận nợ” lập ngày 30/5/2021 (âm lịch) tức là ngày 9/7/2021 (dương lịch) của bà T với mẹ con bà L và ông Q do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Vào ngày 30/5/2021 (âm lịch), bà L và ông Q có vay của bà T số tiền 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng), không thể hiện về thời gian vay trong bao lâu và không quy định về lãi suất cụ thể. Nguyên đơn bà T cho rằng mẹ con bà L và ông Q không thực hiện đúng cam kết trả nợ. Nay nguyên đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh yêu cầu bị đơn bà L và ông Q phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 30/5/2021 (âm lịch) đến ngày xét xử xong vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc vay tài sản giữa nguyên đơn bà T và bị đơn bà L và ông Q là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên.

Bị đơn bà L thừa nhận có vay của bà T tổng số tiền nợ gốc là 5.900.000.000 đồng (Năm tỷ chín trăm triệu đồng) đã trả cho bà T số tiền 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) và còn nợ lại số tiền 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng), số tiền này không liên quan đến bị đơn ông Q.

Bị đơn ông Q không thừa nhận có nợ số tiền 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng) như nguyên đơn đã khởi kiện, việc ông viết và ký vào giấy xác nhận nợ của nguyên đơn là do nguyên đơn đọc cho ông viết và mẹ ông là bà L không biết chữ nên ông là người viết hộ. Tuy nhiên, tại giấy xác nhận nợ ngày 30/5/2021 (âm lịch) có nội dung rất cụ thể như sau: “Đồng ý con có nhận ba tỷ

năm trăm triệu của cô T cùng với mẹ là L cùng con Q để buôn bán tôm hùm giống”, bị đơn Q không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ông không liên quan gì đến số tiền nợ này nên không có cơ sở để xem xét, mặt khác, tại phiên tòa ông cũng đồng ý sẽ cùng bà L trả dần số tiền nợ cho nguyên đơn.

Đối với USB chứa file ghi âm bị đơn cho là ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà T và bà L về nội dung ông Q không liên quan đến khoản nợ trên nhưng Tòa án đã giải thích nhiều lần trong quá trình tố tụng và đến phiên tòa bị đơn không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định giọng nói theo quy định nên không có căn cứ để xem xét.

Do đó, việc bà L và ông Q không thực hiện đúng cam kết trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc.

[2.2] Về số tiền lãi suất: Đây là hợp đồng vay không kỳ hạn, mặc dù trong hợp đồng không xác định về lãi suất nhưng tại phiên tòa cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có sự thỏa thuận về lãi suất và việc trả lãi trong quá trình vay mượn trước đây rất nhiều lần. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất tính theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lãi suất được tính như sau: Số tiền 3.500.000.000 đồng x 10%/năm x thời gian tính từ ngày 30/5/2021 âm lịch (ngày 09/7/2021 dương lịch) đến ngày 05/5/2022 là 09 tháng 26 ngày = 3.500.000.000 x 10%/năm x 09 tháng 26 ngày = 287.778.000 đồng (Hai trăm tám bảy triệu bảy trăm bảy tám nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền các bị đơn phải liên đới trả cho nguyên đơn là: **3.787.778.000** đồng (Ba tỷ bảy trăm tám bảy triệu bảy trăm bảy tám nghìn đồng); trong đó: Tiền nợ gốc là: 3.500.000.000 đồng, tiền lãi là: 287.778.000 đồng.

[3] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 26, 35, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn bà L và ông Q phải liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 05/5/2022 là **3.787.778.000** đồng (Ba tỷ bảy trăm tám bảy triệu bảy trăm bảy tám nghìn đồng); trong đó: Tiền nợ gốc là: 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng), tiền lãi là: 287.778.000 đồng (Hai trăm tám bảy triệu bảy trăm bảy tám nghìn đồng).

2. Án phí: Bị đơn bà L và ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 107.755.560 đồng (*Một trăm linh bảy triệu bảy trăm năm trăm nghìn năm trăm sáu mươi đồng*). Hoàn lại cho nguyên đơn bà T số tiền tạm ứng án phí là 26.060.000 đồng (*Hai sáu triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0006700 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

3. Quy định:

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L và ông Q không thi hành khoản tiền phải trả thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Cam Ranh;
- THADS Tp. Cam Ranh;
- Đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bửu Nhuận